

Số: /BC-UBND

Gia Lai, ngày tháng năm 2026

## BÁO CÁO

### Đánh giá thực trạng tình hình, kết quả công tác nâng cao năng lực số của người dân ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Kính gửi: Bộ Dân tộc và Tôn giáo

Thực hiện Văn bản số 1024/BDTTG-HVDT ngày 21/4/2026 của Bộ Dân tộc và Tôn giáo về việc báo cáo thực trạng năng lực số của người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai báo cáo đánh giá thực trạng tình hình, kết quả công tác nâng cao năng lực số của người dân ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh, như sau:

## I. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG NĂNG LỰC SỐ Ở VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI

### 1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành

- Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai đã ban hành kịp thời các hệ thống văn bản lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở. Đồng thời, ban hành Kế hoạch số 116/KH-UBND ngày 22/3/2026 triển khai thực hiện Đề án “Tăng cường chuyển đổi số lĩnh vực công tác dân tộc đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

- Trong thời gian qua, công tác nâng cao năng lực số cho người dân, trong đó có người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, được tỉnh quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo triển khai gắn với các nhiệm vụ về chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, Đề án 06, phong trào “Bình dân học vụ số” và các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Về cơ sở chính sách, tỉnh đã có các hoạt động liên quan đến đào tạo, tập huấn, phổ cập kỹ năng số, chuyển đổi số trong cộng đồng; trong đó tài liệu đã nêu việc tổ chức tập huấn kỹ năng số, an toàn thông tin, dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt, thương mại điện tử và hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng.

- Công tác tuyên truyền được triển khai đa dạng: họp thôn, loa truyền thanh, hướng dẫn trực tiếp tại hộ gia đình; Hội nghị tập huấn lồng ghép các chỉ tiêu năng lực số vào Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông

thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030.

Đánh giá chung: Công tác lãnh đạo, chỉ đạo đã được quan tâm, tuy nhiên còn thiếu chiều sâu, chưa đồng đều giữa các địa bàn, nhất là vùng đặc biệt khó khăn.

## **2. Thực trạng hạ tầng và điều kiện tiếp cận thiết bị**

- Về điện lưới và năng lượng: Tỷ lệ hộ dân dân tộc thiểu số có điện lưới đạt trên 98%. Tuy nhiên, một số làng vùng sâu vẫn đối mặt với tình trạng điện áp không ổn định, thiếu điện sinh hoạt hoặc điện chập chờn làm ảnh hưởng tới sạc thiết bị, học trực tuyến, truy cập dịch vụ số.

- Về hạ tầng viễn thông và địa hình: Tính đến hết năm 2025, hạ tầng viễn thông, internet trên địa bàn tỉnh đã được đầu tư phát triển rộng khắp, cơ bản đáp ứng nhu cầu chuyển đổi số. Toàn tỉnh hiện có 8.541 trạm thu phát sóng thông tin di động; tỷ lệ phủ sóng di động đạt 100% tại trung tâm xã và 99,9% tại thôn, làng. Hạ tầng băng rộng cố định duy trì mức độ bao phủ cao với 100% trung tâm xã và 99,4% thôn, làng được kết nối; tỷ lệ hộ gia đình sử dụng cáp quang đạt khoảng 82%. Tuy nhiên, tại một số khu vực miền núi vẫn còn tồn tại các vùng lõm sóng cục bộ và một số thôn chưa có cáp quang, ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận dịch vụ số của người dân.

Trong Quý I/2026, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông (bao gồm: Viettel Gia Lai, VNPT Gia Lai, MobiFone Gia Lai) tiến hành rà soát, đánh giá các điểm lõm sóng, đặc biệt là các khu vực khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Qua đó, các đơn vị đã thống nhất xác nhận danh sách 08 cụm dân cư lõm sóng (đợt 1) trên địa bàn tỉnh. Đối với các cụm dân cư nằm rải rác hoặc các điểm mới phát sinh có dấu hiệu chất lượng dịch vụ chưa đảm bảo, sẽ tiếp tục triển khai thực hiện đo kiểm định kỳ hàng quý và theo phản ánh từ UBND các xã, phường; đồng thời tổ chức các đợt rà soát bổ sung nhằm cập nhật kịp thời, đầy đủ dữ liệu lõm sóng trên địa bàn tỉnh.

- Về thiết bị thông minh, máy tính: Tỷ lệ người dân sử dụng điện thoại thông minh ngày càng tăng (tính đến hết năm 2025 tỷ lệ thuê bao điện thoại di động sử dụng điện thoại thông minh đạt 88%), tuy nhiên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số vẫn còn một bộ phận hộ nghèo, cận nghèo chưa có thiết bị thông minh hoặc gặp khó khăn trong việc duy trì chi phí sử dụng dịch vụ dữ liệu di động. Bên cạnh đó, tại một số khu vực miền núi, điều kiện điện lưới chưa thật sự ổn định cũng ảnh hưởng đến việc sử dụng thiết bị số và dịch vụ viễn thông.

Đánh giá tổng quát: Hạ tầng đã cải thiện nhưng chưa đồng đều; trở ngại của Gia Lai không chỉ là “có sóng hay không”, mà còn là sóng yếu, điện không ổn định, thiết bị chưa đủ và chi phí duy trì sử dụng hằng tháng.

## **3. Đánh giá thực trạng năng lực số của người dân theo 3 trụ cột**

- Về thái độ số: Người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đã có chuyển biến tích cực trong tiếp cận công nghệ, nhất là nhóm thanh niên, học sinh,

cán bộ thôn/làng, hộ kinh doanh nhỏ; sẵn sàng dùng điện thoại thông minh để tiếp cận thông tin, dịch vụ công, thanh toán số.

Tuy nhiên, mức độ cảnh giác trước tin giả, lừa đảo trực tuyến, thông tin xấu độc, hội nhóm trái phép trên mạng xã hội còn chưa đồng đều; vẫn còn tình trạng bị lôi kéo bởi thông tin sai lệch từ các nhóm "Tin lành Đêga" lợi dụng mạng xã hội để truyền đạo trái phép.

- Về kiến thức số: Người dân đã từng bước biết đến các tiện ích như VNeID, dịch vụ công trực tuyến, khám chữa bệnh bằng CCCD gắn chip, thanh toán không dùng tiền mặt, tra cứu thông tin thời tiết, giá cả, sản xuất, thị trường. Tuy nhiên, nhận thức về lợi ích của dịch vụ số chưa đồng đều; nhiều người còn tâm lý ngại thao tác, sợ sai, phụ thuộc vào cán bộ xã, người thân hoặc Tổ công nghệ số cộng đồng khi thực hiện thủ tục trực tuyến.

- Về kỹ năng số: Nhóm thanh niên, học sinh, người dân có hoạt động buôn bán, sản xuất hàng hóa có khả năng tiếp cận nhanh hơn với điện thoại thông minh, mạng xã hội, thanh toán QR, bán hàng trực tuyến. Ngược lại, nhóm người cao tuổi, phụ nữ dân tộc thiểu số, hộ nghèo, người ít sử dụng tiếng Việt phổ thông còn hạn chế trong các thao tác như tạo tài khoản, đăng nhập VNeID, nộp hồ sơ trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt, nhận diện đường link giả mạo, bảo vệ dữ liệu cá nhân.

#### **4. Thực trạng lực lượng nòng cốt hỗ trợ nâng cao năng lực số ở cơ sở**

Toàn tỉnh đã thành lập 1.845 Tổ công nghệ số cộng đồng với 7.647 thành viên, cùng với các tổ công nghệ số thanh niên tại địa phương. Các lực lượng này đã tích cực tham gia tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ số, góp phần lan tỏa chuyển đổi số đến từng thôn, làng. Trong thời gian qua, công tác nâng cao năng lực số đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Tỉnh đã tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho hơn 15.760 lượt cán bộ, công chức, viên chức; trong đó có hơn 7.600 lượt được đào tạo về kỹ năng số theo chương trình “Bình dân học vụ số”. Đồng thời, đã triển khai nhiều chương trình phổ cập kỹ năng số cho người dân như các lớp “Bình dân học vụ”, thu hút hơn 10.500 lượt người tham gia, góp phần nâng cao nhận thức và khả năng ứng dụng công nghệ trong đời sống.

Đổi mới nội dung và phương pháp đào tạo theo hướng trực quan, dễ hiểu, phù hợp với đặc thù vùng đồng bào dân tộc thiểu số; xây dựng tài liệu đào tạo đa ngôn ngữ; tăng cường vai trò của lực lượng nòng cốt tại cơ sở; đồng thời, hoàn thiện hệ thống dữ liệu, đảm bảo kết nối, đồng bộ và an toàn thông tin phục vụ hiệu quả công tác quản lý và phát triển kinh tế - xã hội.

Các xã, phường trên địa bàn tỉnh đã thành lập và duy trì hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng tại các thôn/làng, là lực lượng nòng cốt trong việc tuyên truyền, hướng dẫn người dân tiếp cận và sử dụng các nền tảng số cho người dân. Đây là nền tảng quan trọng để triển khai nâng cao năng lực số tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Tuy nhiên, hoạt động của các tổ chưa đồng đều; một số nơi còn mang tính phong trào, thiếu kinh phí duy trì, thiếu tài liệu hướng dẫn phù hợp với ngôn ngữ, trình độ, tập quán của đồng bào.

Bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn tồn tại một số hạn chế như: hạ tầng số chưa đồng bộ tại một số khu vực, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa; kỹ năng số của người dân chưa đồng đều; tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến còn thấp; hoạt động của các tổ công nghệ số cộng đồng chưa thật sự hiệu quả. Để nâng cao năng lực số cho người dân trong thời gian tới, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan đầu tư hoàn thiện hạ tầng viễn thông, đặc biệt là xóa vùng lùm sóng và phủ hạ tầng cáp quang đến thôn, làng.

## **II. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI CÁC HOẠT ĐỘNG NÂNG CAO NĂNG LỰC SỐ THỜI GIAN QUA**

### **1. Công tác chỉ đạo, điều hành và bố trí nguồn lực**

Trong thời gian qua, công tác chỉ đạo, điều hành triển khai các hoạt động nâng cao năng lực số cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Gia Lai được các cấp, các ngành quan tâm thực hiện và đạt được một số kết quả bước đầu.

#### ***a) Về công tác chỉ đạo, điều hành***

- UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ngành, địa phương triển khai nhiệm vụ nâng cao năng lực số gắn với chương trình chuyển đổi số, cải cách hành chính và thực hiện Đề án 06 của Chính phủ.

- Nội dung nâng cao năng lực số được lồng ghép vào các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm và các chương trình mục tiêu quốc gia, đặc biệt là Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- 100% cấp xã đã ban hành kế hoạch chuyển đổi số, thành lập Tổ công nghệ số cộng đồng, góp phần đưa hoạt động hỗ trợ người dân tiếp cận công nghệ số đến tận thôn, làng.

#### ***b) Về tổ chức triển khai***

- Các địa phương đã phân công cán bộ phụ trách chuyển đổi số; huy động sự tham gia của lực lượng công an, đoàn thanh niên, hội phụ nữ, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số tham gia tuyên truyền, hướng dẫn người dân.

- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã được phát huy vai trò trong hỗ trợ người dân thực hiện dịch vụ công trực tuyến, cài đặt và sử dụng các nền tảng số.

- Tổ công nghệ số cộng đồng tại các thôn, làng từng bước phát huy vai trò “cầu nối” giữa chính quyền và người dân trong phổ cập kỹ năng số.

#### ***c) Về bố trí và huy động nguồn lực***

- Nguồn lực thực hiện chủ yếu được lồng ghép từ ngân sách địa phương, các chương trình chuyển đổi số, cải cách hành chính và các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Một số địa phương đã chủ động huy động nguồn lực xã hội hóa, hỗ trợ thiết bị, đường truyền, tổ chức các lớp tập huấn kỹ năng số cho người dân.

- Tuy nhiên, nhìn chung kinh phí bố trí cho công tác nâng cao năng lực số còn hạn chế, chưa có nguồn kinh phí riêng; việc đầu tư cho đào tạo, tập huấn, hỗ trợ thiết bị còn phân tán, chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

\* **Đánh giá chung:** Công tác chỉ đạo, điều hành đã được triển khai đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở, từng bước đưa nhiệm vụ nâng cao năng lực số trở thành nội dung thường xuyên trong quản lý nhà nước. Tuy nhiên, việc bố trí nguồn lực còn hạn chế, thiếu tính ổn định và chưa đáp ứng yêu cầu triển khai trên diện rộng, nhất là tại các địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn.

## **2. Công tác tuyên truyền, đào tạo và tập huấn**

Công tác tuyên truyền, đào tạo và tập huấn nâng cao năng lực số cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Gia Lai được các cấp, các ngành quan tâm triển khai với nhiều hình thức phù hợp điều kiện thực tế.

### **a) Về công tác tuyên truyền**

- Các địa phương đã đẩy mạnh tuyên truyền về chuyển đổi số, dịch vụ công trực tuyến, ứng dụng định danh điện tử VNeID, thanh toán không dùng tiền mặt và kỹ năng phòng, chống lừa đảo trên không gian mạng.

- Hình thức tuyên truyền đa dạng, linh hoạt như: thông qua hệ thống loa truyền thanh cơ sở, các cuộc họp thôn, sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt đoàn thể, nhóm Zalo cộng đồng và tuyên truyền trực tiếp tại hộ gia đình.

- Nội dung tuyên truyền từng bước được lồng ghép với công tác dân tộc, phù hợp với điều kiện sinh hoạt và phong tục tập quán của đồng bào dân tộc thiểu số.

### **b) Về công tác đào tạo, tập huấn**

- Các lớp tập huấn, hướng dẫn kỹ năng số cơ bản được tổ chức tại cấp xã, thôn với phương châm “cầm tay chỉ việc”, chú trọng thực hành trực tiếp trên thiết bị của người dân.

- Nội dung tập huấn tập trung vào: Sử dụng điện thoại thông minh, truy cập internet; cài đặt và sử dụng VNeID; thực hiện dịch vụ công trực tuyến; kỹ năng thanh toán số, sử dụng mạng xã hội an toàn; nhận diện và phòng tránh các hành vi lừa đảo trên không gian mạng.

- Lực lượng tham gia tập huấn gồm cán bộ xã, công an, đoàn thanh niên, hội phụ nữ, Tổ công nghệ số cộng đồng và người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số.

### **c) Về mô hình, cách làm**

- Một số địa phương đã triển khai hiệu quả mô hình Tổ công nghệ số cộng đồng “đi từng ngõ, gõ từng nhà” để hướng dẫn người dân sử dụng công nghệ số.

- Việc hướng dẫn trực tiếp tại hộ gia đình, sử dụng ngôn ngữ địa phương, kết hợp minh họa trực quan trên điện thoại thông minh giúp người dân dễ tiếp thu, đặc biệt đối với người cao tuổi và đồng bào dân tộc thiểu số.

- Bước đầu hình thành phương thức đào tạo linh hoạt, phù hợp với đặc thù vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa.

**\* Kết quả đạt được:**

- Nhận thức của người dân về chuyển đổi số từng bước được nâng lên; nhiều người dân đã biết sử dụng các ứng dụng cơ bản trên điện thoại thông minh, tiếp cận dịch vụ công trực tuyến và các tiện ích số trong đời sống.

- Một bộ phận người dân, đặc biệt là thanh niên, đã chủ động hỗ trợ gia đình và cộng đồng trong việc sử dụng công nghệ số, góp phần lan tỏa kỹ năng số trong cộng đồng.

**\* Tồn tại, hạn chế:**

- Công tác tuyên truyền chưa đồng đều giữa các địa bàn; nội dung, hình thức tuyên truyền ở một số nơi còn đơn điệu, chưa thật sự hấp dẫn, chưa phù hợp với từng nhóm đối tượng.

- Thiếu tài liệu hướng dẫn chuẩn hóa, trực quan, dễ hiểu, đặc biệt là tài liệu bằng ngôn ngữ dân tộc thiểu số.

- Hoạt động đào tạo, tập huấn còn mang tính ngắn hạn, chưa có chương trình bài bản, liên tục; chưa hình thành hệ thống đào tạo kỹ năng số bền vững tại cơ sở.

- Nguồn lực phục vụ công tác tuyên truyền, đào tạo còn hạn chế; chưa có cơ chế hỗ trợ phù hợp cho lực lượng trực tiếp tham gia hướng dẫn tại cộng đồng.

**\* Đánh giá chung:** Công tác tuyên truyền, đào tạo đã được triển khai rộng khắp với nhiều hình thức phù hợp, bước đầu mang lại hiệu quả tích cực trong nâng cao nhận thức và kỹ năng số cho người dân. Tuy nhiên, cần tiếp tục đổi mới nội dung, phương pháp, chuẩn hóa tài liệu và tăng cường nguồn lực để nâng cao chất lượng, hiệu quả trong thời gian tới.

### **3. Những thành tựu đạt được từ nâng cao năng lực số**

Việc triển khai các hoạt động nâng cao năng lực số cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Gia Lai đã đạt được một số kết quả tích cực, từng bước tạo chuyển biến trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa - xã hội và quốc phòng - an ninh.

#### **a) Về kinh tế**

- Năng lực ứng dụng công nghệ số trong sản xuất, kinh doanh của người dân từng bước được cải thiện; một bộ phận người dân đã biết khai thác mạng xã hội và các nền tảng trực tuyến để quảng bá, tiêu thụ nông sản, hàng hóa địa phương.

- Bước đầu hình thành thói quen sử dụng thanh toán không dùng tiền mặt trong một số giao dịch dân sinh, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế số ở khu vực nông thôn, miền núi.

- Người dân đã từng bước tiếp cận thông tin thị trường, giá cả, kỹ thuật sản xuất thông qua môi trường mạng, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất và giảm phụ thuộc vào phương thức truyền thống.

- Tuy quy mô còn nhỏ, nhưng đã xuất hiện các yếu tố nền tảng của kinh tế số trong cộng đồng dân cư vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

### ***b) Về văn hóa - xã hội, giáo dục - y tế***

- Khả năng tiếp cận thông tin của người dân được nâng lên rõ rệt; các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước được truyền tải nhanh chóng, kịp thời đến người dân thông qua các nền tảng số.

- Việc ứng dụng các nền tảng số trong quản lý và cung cấp dịch vụ công từng bước được mở rộng; người dân đã bắt đầu sử dụng căn cước công dân gắn chip, ứng dụng định danh điện tử trong một số giao dịch hành chính và khám, chữa bệnh.

- Trong lĩnh vực giáo dục, học sinh, thanh niên tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số ngày càng chủ động sử dụng internet phục vụ học tập, tra cứu tài liệu, góp phần thu hẹp khoảng cách tiếp cận tri thức giữa các vùng.

- Hoạt động thông tin, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, cảnh báo thiên tai, dịch bệnh được thực hiện hiệu quả hơn thông qua các kênh số (nhóm Zalo cộng đồng, hệ thống truyền thanh cơ sở kết hợp nền tảng số).

### ***c) Về quốc phòng - an ninh***

- Nhận thức của người dân về an toàn thông tin và phòng, chống các hành vi vi phạm trên không gian mạng từng bước được nâng cao; người dân đã có ý thức cảnh giác hơn với các hình thức lừa đảo trực tuyến, thông tin xấu, độc.

- Việc ứng dụng công nghệ số góp phần hỗ trợ công tác quản lý dân cư, xác thực thông tin, phục vụ hiệu quả việc triển khai Đề án 06, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước tại cơ sở.

- Các kênh thông tin số tại cộng đồng (nhóm Zalo thôn, làng) đã hỗ trợ chính quyền cơ sở trong việc nắm bắt tình hình, tuyên truyền, vận động Nhân dân, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa bàn.

**\* Đánh giá chung:** Những kết quả đạt được bước đầu đã tạo nền tảng quan trọng cho quá trình chuyển đổi số tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh Gia Lai. Mặc dù còn ở giai đoạn khởi đầu, song đã góp phần hình thành nhận thức, thói quen và từng bước nâng cao năng lực số của người dân, tạo tiền đề để phát triển kinh tế số, xã hội số và chính quyền số trong thời gian tới.

## **III. TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN**

### **1. Tồn tại, hạn chế**

#### ***a) Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành***

- Việc chỉ đạo triển khai nâng cao năng lực số ở một số địa phương chưa thực sự quyết liệt, thiếu trọng tâm, trọng điểm, còn mang tính lồng ghép, chưa xác định là nhiệm vụ đột phá.

- Chưa có cơ chế điều phối thống nhất, liên ngành ở cấp tỉnh; sự phối hợp giữa các sở, ngành, địa phương chưa chặt chẽ, thiếu tính hệ thống và liên thông dữ liệu.

- Công tác kiểm tra, đánh giá, giám sát chưa thường xuyên; chưa có bộ tiêu chí, chỉ số đo lường năng lực số của người dân làm căn cứ đánh giá thực chất.

#### ***b) Về hạ tầng số và điều kiện tiếp cận***

- Hạ tầng viễn thông, internet chưa đồng bộ, còn tồn tại vùng lõm sóng, vùng trắng sóng; chất lượng kết nối chưa ổn định, nhất là khu vực vùng sâu, vùng xa.

- Hạ tầng điện lưới chưa bảo đảm 100%, vẫn còn thôn chưa có điện, ảnh hưởng trực tiếp đến triển khai chuyển đổi số.

- Tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo thiếu thiết bị thông minh còn cao; thiết bị lạc hậu, không đáp ứng yêu cầu sử dụng các nền tảng số.

- Chi phí duy trì dịch vụ viễn thông (data) còn là rào cản lớn, làm gián đoạn việc sử dụng thường xuyên của người dân.

#### ***c) Về năng lực số của người dân***

- Năng lực số còn thấp và không đồng đều, chủ yếu dừng ở mức sử dụng cơ bản; chưa hình thành kỹ năng sử dụng độc lập, bền vững.

- Tỷ lệ người dân tự thực hiện dịch vụ công trực tuyến còn thấp, phụ thuộc nhiều vào cán bộ hoặc Tổ công nghệ số cộng đồng.

- Nhận thức về an toàn thông tin chưa đầy đủ; vẫn tiềm ẩn nguy cơ bị lợi dụng, lừa đảo trên không gian mạng.

- Khoảng cách số giữa các nhóm đối tượng (thanh niên – người cao tuổi; vùng thuận lợi – vùng đặc biệt khó khăn) còn lớn.

#### ***d) Về công tác tuyên truyền, đào tạo***

- Nội dung, phương pháp tuyên truyền, tập huấn chưa thực sự phù hợp với đặc thù đồng bào dân tộc thiểu số, còn nặng lý thuyết, thiếu thực quan.

- Thiếu tài liệu chuẩn hóa, đặc biệt là tài liệu song ngữ hoặc bằng tiếng dân tộc, dẫn đến hiệu quả tiếp thu chưa cao.

- Hoạt động đào tạo còn mang tính phong trào, ngắn hạn; chưa hình thành hệ thống đào tạo kỹ năng số thường xuyên, liên tục tại cơ sở.

#### ***đ) Về lực lượng triển khai tại cơ sở***

- Năng lực số của một bộ phận cán bộ cơ sở, người có uy tín, thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu hướng dẫn người dân.

- Hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng ở một số nơi còn hình thức, thiếu chiều sâu, chưa duy trì thường xuyên.

- Chưa có cơ chế hỗ trợ, khuyến khích phù hợp (kinh phí, phụ cấp, phương tiện), dẫn đến thiếu động lực duy trì hoạt động.

#### ***e) Về nguồn lực và cơ chế chính sách***

- Chưa bố trí nguồn kinh phí riêng cho công tác nâng cao năng lực số; chủ yếu lồng ghép, dẫn đến thiếu tính chủ động và bền vững.

- Chính sách hỗ trợ thiết bị, hạ tầng, dịch vụ viễn thông cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số chưa đủ mạnh và chưa đồng bộ.

- Chưa có cơ chế thúc đẩy xã hội hóa, huy động doanh nghiệp tham gia sâu vào nâng cao năng lực số tại cộng đồng.

## **2. Nguyên nhân**

### **a) Nguyên nhân khách quan**

- Địa bàn miền núi, địa hình chia cắt, dân cư phân tán, gây khó khăn trong đầu tư hạ tầng kỹ thuật (điện, viễn thông, internet).

- Điều kiện kinh tế của người dân còn thấp; tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo cao, hạn chế khả năng tiếp cận thiết bị và dịch vụ số.

- Trình độ dân trí không đồng đều; rào cản về ngôn ngữ, phong tục tập quán ảnh hưởng đến khả năng tiếp thu và ứng dụng công nghệ.

- Xuất phát điểm về chuyển đổi số của khu vực vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi còn thấp.

### **b) Nguyên nhân chủ quan**

- Nhận thức của một bộ phận cán bộ, chính quyền cơ sở về vai trò của nâng cao năng lực số chưa đầy đủ, chưa theo kịp yêu cầu chuyển đổi số.

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo ở một số nơi chưa quyết liệt; chưa xác định rõ trách nhiệm người đứng đầu.

- Phương pháp tuyên truyền, đào tạo chậm đổi mới; chưa thiết kế nội dung phù hợp từng nhóm đối tượng, từng vùng.

- Năng lực tham mưu, tổ chức thực hiện của đội ngũ cán bộ làm công tác chuyển đổi số ở cơ sở còn hạn chế.

- Thiếu cơ chế phối hợp liên ngành, thiếu hệ thống dữ liệu dùng chung, dẫn đến triển khai phân tán, hiệu quả chưa cao.

- Công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả chưa được quan tâm đúng mức; chưa gắn với trách nhiệm và hiệu quả thực thi.

### **\* Đánh giá khái quát:**

- Các tồn tại, hạn chế nêu trên cho thấy công tác nâng cao năng lực số cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi chưa được triển khai một cách đồng bộ, toàn diện và bền vững, còn nhiều “điểm nghẽn” về hạ tầng, con người và cơ chế chính sách.

- Đây là những vấn đề mang tính hệ thống, cần có giải pháp mang tính tổng thể, đột phá trong giai đoạn tới.

## **IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ VỚI TRUNG ƯƠNG**

Trên cơ sở thực trạng và những tồn tại, hạn chế nêu trên, để nâng cao năng lực số cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi một cách thực chất, bền vững, tỉnh Gia Lai kính đề xuất một số nội dung trọng tâm sau:

### **1. Về cơ chế, chính sách**

- Sớm ban hành Đề án Tăng cường nâng cao năng lực số cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.
- Ban hành chính sách hỗ trợ thiết bị và dịch vụ số cho hộ nghèo, cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số.
- Cơ chế đặc thù phát triển hạ tầng số vùng khó khăn.

### **2. Về tổ chức thực hiện và quản lý nhà nước**

- Xây dựng hệ thống quản lý, theo dõi năng lực số người dân.
- Chuẩn hóa chương trình đào tạo kỹ năng số vùng đồng bào dân tộc thiểu số.
- Đổi mới phương thức tuyên truyền, đào tạo, bồi dưỡng.

### **3. Về phát triển hạ tầng và nền tảng số**

- Ưu tiên xóa vùng lấm sóng, vùng trắng sóng.
- Phát triển nền tảng số phù hợp với đồng bào dân tộc thiểu số.

### **4. Về phát triển nguồn nhân lực số tại cơ sở**

- Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ cơ sở.
- Phát huy vai trò thanh niên và người có uy tín.

### **5. Về nguồn lực thực hiện**

- Bố trí nguồn lực riêng cho nâng cao năng lực số.
- Tăng cường xã hội hóa.

Trên đây là Báo cáo đánh giá thực trạng tình hình, kết quả công tác nâng cao năng lực số của người dân ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh Gia Lai kính báo cáo Bộ Dân tộc và Tôn giáo để theo dõi, tổng hợp./.

#### ***Nơi nhận:***

- Như trên;
- CT, PCT Dương Mah Tiệp;
- Sở Dân tộc và Tôn giáo;
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- CVP, PVPNN;
- Lưu: VT, C4, V9.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Dương Mah Tiệp**